

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 14
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2026/HSST
Ngày: 26 -01-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đinh Văn Tân;
2. Bà Trần Thị Hạnh;.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Quang Thi - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phan Xuân Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2026/TLST-HS ngày 09 tháng 01 năm 2026, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2026/QĐXXST-HS, ngày 12 tháng 01 năm 2026 đối với bị cáo:

Lê Thị Ngọc Đ; Sinh năm: 1982; Tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Căn cước công dân số 077082003845; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp Q, xã N, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 7/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; con ông Lê Văn L và bà Mai Thị T; Gia đình bị cáo có 02 chị em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; H và tên chồng: Lý H1; Sinh năm: 1980; Con: Bị cáo có 03 người con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2010; Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/7/2025 đến ngày 06/8/2025 áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại ấp Q, xã N, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Lê Thị Ngọc T1, sinh năm 1985; (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, Thành phố Đà Nẵng;

+ Ông Vũ Huy P, sinh năm 1975; (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã N, Thành phố Hồ Chí Minh;

+ Ông Nguyễn Quốc T2, sinh năm 1983; (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã N, Thành phố Hồ Chí Minh;

+ Bà Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh năm 1997; (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã N, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Lê Thị Ngọc Đ là nhân viên bán vé số tại đại lý vé số “H” thuộc ấp T, xã N, Thành phố Hồ Chí Minh. Vào ngày 24/7/2025, trong quá trình làm việc tại đại lý vé số “H” thì có một người đàn ông tên “L1” (không rõ thông tin, lai lịch) đặt vấn đề với Đ về việc hợp tác bán số lô, số đề cho khách hàng, ông L1 sẽ chi cho Đ 5% hoa hồng trên tổng số tiền ghi số lô, số đề, Đ đồng ý. Sau đó, ông L1 hướng dẫn Đ cách ghi, cách tính tiền số lô, số đề và trả thưởng để Đ thực hiện. Ông L1 và Đ thỏa thuận hằng ngày trước khi có kết quả xổ số từ 16 giờ đến 16 giờ 10 phút, Đ sẽ tổng hợp các số lô, số đề đã bán cho các con bạc trong ngày và tiền thu được sẽ mang đến khu Công nghiệp C tại xã N, Thành phố Hồ Chí Minh để giao cho ông L1. Lúc này, ông L1 sẽ trích lại cho Đ 5% hoa hồng trên tổng số tiền mà Đ bán số lô, số đề được. Trường hợp, sau khi mở thưởng kết quả xổ số nếu có con bạc trúng thưởng, ông L1 sẽ chủ động hẹn địa điểm để Đ đến lấy tiền và trả cho các con bạc. Đến khoảng 16 giờ 10 phút, ngày 28/7/2025, trong lúc đang ghi số lô, số đề đã bán cho các con bạc trước đó trên phoi đề là các tờ vé số cũ thì lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang và thu giữ số tang vật như đã nêu trên.

Vào ngày 28/7/2025, Lê Thị Ngọc Đ đã ghi được 12 phoi đề với tổng số tiền 6.544.000 đồng (Sáu triệu năm trăm bốn mươi bốn nghìn đồng), nhưng thực tế Đ chỉ thu số tiền 5.157.000 đồng (Năm triệu một trăm năm mươi bảy nghìn đồng) cho các đối tượng (không rõ thông tin, lai lịch) và 02 đối tượng tại xã N, Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể như sau:

- Bán cho ông Vũ Huy P (sinh năm: 1975; trú tại ấp T, xã N, Thành phố Hồ Chí Minh) bao lô số 17 đài Thành phố Hồ Chí Minh (bao gồm 18 lô) với số tiền 25.000 đồng/01 lô và đài Đồng Tháp (bao gồm 18 số lô) với số tiền 25.000 đồng/01 lô. Tổng số tiền đánh bạc là 900.000 đồng, thực tế Đ chỉ thu từ ông P là 700.000 đồng.- Bán cho ông Nguyễn Quốc T2 (sinh năm: 1983; trú tại ấp H, xã N, Thành phố Hồ Chí Minh) với tổng số tiền đánh bạc là 432.000 đồng, thực tế Đ chỉ thu từ ông T2 là 336.000 đồng như sau: + Đá hai số 95 – 86 đài Thành phố Hồ Chí Minh với số tiền 1.000 đồng; đài Đồng Tháp với số tiền 1.000 đồng và đài Cà Mau với số tiền 1.000 đồng.+ Bao lô số 595 đài Thành phố Hồ Chí Minh với số tiền 1.000 đồng; đài Đồng Tháp với số tiền 1.000 đồng và đài Cà Mau với số tiền 1.000 đồng.+ Bao lô số 69 đài Thành phố Hồ Chí Minh với số tiền 5.000 đồng; đài Đồng Tháp với số tiền 5.000 đồng và đài Cà Mau với số tiền 5.000 đồng.- Bán cho các đối tượng khác

(không rõ thông tin, lại lịch) với tổng số tiền đánh bạc 5.212.000 đồng thực tế Đoàn chỉ thu từ các đối tượng này số tiền là 4.121.000 đồng.

Lê Thị Ngọc Đ khai nhận hành vi đánh bạc dưới hình thức ghi số lô, số đề cho các con bạc tại đại lý vé số “H” cụ thể như sau:

- Hình thức đánh bạc: khi có con bạc đến trực tiếp đại lý vé số “H” để mua số đề thì Đ sẽ ghi số đề trên các tờ vé số cũ (còn gọi là phơi đề) rồi giao cho đối tượng và nhận tiền. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, trước khi mở thưởng kết quả xổ số, Đ tổng hợp phơi và tiền thu được sẽ mang đến khu Công nghiệp C tại xã N, Thành phố Hồ Chí Minh để giao cho ông L1. Lúc này, ông L1 sẽ trích hoa hồng lại cho Đ. Sau khi có kết quả xổ số, nếu có con bạc trúng thưởng, ông L1 sẽ chủ động hẹn địa điểm để Đ đến lấy tiền. Khi các đối tượng trúng đề thì đến gặp trực tiếp Đ đưa phơi đề trúng, Đ sẽ kiểm tra và trả tiền thắng đề.

- Tỷ lệ ăn thua được tính như sau:

+ Nếu mua bao lô 01 con số của 01 đài xổ số miền nam, thì lấy số tiền mua x 18 lô/đài (ví dụ: Bao lô con số 01, với giá 1.000 đồng đài Thành phố Hồ Chí Minh thì số tiền đánh bạc là $1.000 \text{ đồng} \times 18 = 18.000 \text{ đồng}$, nhưng thực tế con bạc phải trả là $1.000 \text{ đồng} \times 14 = 14.000 \text{ đồng}$). Tỷ lệ trúng thưởng là 1.000 đồng ăn 70.000 đồng.

+ Nếu mua đầu, đuôi 01 con số của 01 đài xổ số miền nam, thì lấy số tiền mua đầu + mua đuôi (ví dụ: đánh con số 01, đầu 10.000 đồng, đuôi 10.000 đồng đài Thành phố Hồ Chí Minh thì số tiền đánh bạc là $10.000 \text{ đồng} + 10.000 \text{ đồng} = 20.000 \text{ đồng}$, nhưng thực tế con bạc phải trả là $10.000 \text{ đồng} + 10.000 \text{ đồng} \times 0.8 = 16.000 \text{ đồng}$). Tỷ lệ trúng thưởng là 1.000 đồng ăn 70.000 đồng.

+ Nếu mua xiù chủ 01 con số của 01 đài xổ số miền nam (đánh 03 con số của giải 7 là đầu hoặc 03 con số cuối của giải đặc biệt là đuôi) thì số tiền mua là số tiền đánh bạc phải trả (ví dụ: Đánh xiù chủ con số 123, với giá 1.000 đồng đài Thành phố Hồ Chí Minh thì số tiền con bạc phải trả là 1.000 đồng). Tỷ lệ trúng thưởng là 1.000 đồng ăn 620.000 đồng.

+ Nếu đá thẳng 01 cặp số gồm 02 con số/01 đài của 01 đài xổ số miền nam, thì lấy số tiền mua x 18 lô/đài x 2 (ví dụ: Đá thẳng 01 cặp số 95 - 86, với giá 1.000 đồng đài Thành phố Hồ Chí Minh thì số tiền đánh bạc là $1.000 \text{ đồng} \times 18 \times 2 = 36.000 \text{ đồng}$, nhưng thực tế con bạc phải trả là $1.000 \text{ đồng} \times 14 \times 2 = 28.000 \text{ đồng}$). Tỷ lệ trúng thưởng là 1.000 đồng ăn 620.000 đồng.

+ Nếu đá thẳng 03 cặp số/01 đài của 01 đài xổ số miền nam, thì lấy số tiền mua x 3 cặp x 2 con số x 18 lô/đài (ví dụ: Đá thẳng 03 cặp 17-27-37 với giá 1.000 đồng đài Thành phố Hồ Chí Minh thì số tiền đánh bạc là $1.000 \text{ đồng} \times 3 \times 2 \times 18 = 108.000 \text{ đồng}$, nhưng thực tế con bạc phải trả là $1.000 \text{ đồng} \times 3 \times 2 \times 14 = 84.000 \text{ đồng}$). Tỷ lệ trúng thưởng là 1.000 đồng ăn 1.860.000 đồng.

+ Nếu đá xiên 03 cặp số/02 đài của 02 đài xổ số miền nam, thì lấy số tiền mua x 3 cặp x 2 con số x 18 lô/đài x 2 đài (ví dụ: Đá xiên 03 cặp số 17-27-37 với giá

1.000 đồng đài Thành phố Hồ Chí Minh và đài Đồng Tháp thì số tiền đánh bạc là $1.000 \text{ đồng} \times 3 \times 2 \times 18 \times 2 = 216.000 \text{ đồng}$, nhưng thực tế con bạc phải trả là $1.000 \text{ đồng} \times 3 \times 2 \times 14 \times 2 = 168.000 \text{ đồng}$). Tỷ lệ trúng thưởng là 1.000 đồng ăn 1.560.000 đồng. (Bút lục số 73 – 100) Đối tượng thua đề thì thua tiền đã mua đề, không nhận được tiền thắng. Kết quả thắng thua dựa vào kết quả xổ số kiến thiết của một tỉnh hoặc nhiều tỉnh mở thưởng ngày hôm đó trên địa bàn khu vực Phía Nam. Do hành vi ghi đề của Lê Thị Ngọc Đ bị Cơ quan công an bắt quả tang trước khi đài xổ số kiến thiết Thành phố Hồ Chí Minh, đài Đồng Tháp và đài Cà Mau mở thưởng nên không tính số trúng. Vật chứng của vụ án:

- 12 (mười hai) tờ phôi đề là các tờ vé số cũ có ghi các số đề bà Lê Thị Ngọc Đ đã bán cho khách chơi đề trong ngày 28/7/2025, được đánh số thứ tự từ 01 đến 12 có chữ ký xác nhận của Lê Thị Ngọc Đ trên từng tờ.

- Số tiền mặt: 3.670.000đ (Ba triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng) của bà Lê Thị Ngọc Đ.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A04S, màu đen, số Imeil: 350246951140594; Imei2: 353931241140598, gắn sim số 0932072341, 0987970371; tình trạng máy cũ, màn hình bị vỡ.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO Y51; Số IMEI 1: 864874057958830, IMEI 2: 864874057958822, gắn sim điện thoại 0932530955.

Tất cả các vật chứng trên được chuyển đến Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 14 – Thành phố Hồ Chí Minh để quản lý, chờ xử lý.

Tại Bản Cáo trạng số 41/CT-VKS-KV14 ngày 01/01/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Lê Thị Ngọc Đ về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quyết định truy tố đối với Lê Thị Ngọc Đ, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm áp dụng các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 (mười tám) đến 24 (hai mươi bốn) tháng.

Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Thành phố Hồ Chí Minh truy tố và xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành

vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T1, ông P, ông T2, bà N vắng mặt; Xét thấy, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nêu trên đã có văn bản trình bày ý kiến, không có ý kiến, yêu cầu gì về mặt dân sự, do đó việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc xét xử, căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Về hành vi của bị cáo: Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác do Cơ quan điều tra đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Từ đó đủ cơ sở để xác định hành vi phạm tội của bị cáo như sau:

Ngày 28/7/2025 tại đại lý vé số “H” thuộc ấp T, xã N, Thành phố Hồ Chí Minh, Lê Thị Ngọc Đ đã thực hiện hành vi đánh bạc dưới hình thức ghi số lô, số đề cho các con bạc, việc ghi số lô, số đề được thể hiện qua 12 phôi đề là các tờ vé số cũ; thực thu của các con bạc số tiền là 5.157.000 đồng, tổng số tiền đánh bạc Đ tính thắng thua với con bạc là 6.544.000 đồng.

Như vậy, hành vi của bị cáo Lê Thị Ngọc Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Thành phố Hồ Chí Minh và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội đã gây ra.

[3] Hành vi do bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trật tự công cộng, tạo ra một dư luận xấu trong nhân dân và góp phần cho các tội phạm khác phát sinh như trộm cắp, cướp giật, gây rối trật tự công cộng. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, mặc dù nhận thức được hành vi của mình bị pháp luật ngăn cấm nhưng vẫn ngang nhiên thực hiện bất chấp mọi hậu quả xảy ra kể cả việc trừng trị của pháp luật. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng với tính chất mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho gia đình, xã hội và có tác dụng đấu tranh, phòng ngừa chung.

[4] Căn cứ quyết định hình phạt: Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 50 Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự khác đối với bị cáo để quyết định cho Lê Thị Ngọc Đ một mức hình phạt phù hợp.

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Như vậy, cần áp dụng các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình

sự để xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự khi quyết định hình phạt cho bị cáo.

Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[5] Hình phạt áp dụng: Căn cứ vào tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy, việc không cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội cũng không ảnh hưởng đến việc đấu tranh, phòng ngừa tội phạm tại địa phương nên quyết định áp dụng loại hình phạt tù có điều kiện đối với bị cáo, tạo điều kiện cho bị cáo tự cải tạo dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương nơi cư trú.

Hình phạt bổ sung: Cần áp dụng khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt các bị cáo Lê Thị Ngọc Đ 10.000.000đ để sung vào ngân sách Nhà nước. Thời hạn chấp hành hình phạt bổ sung kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[6] Xử lý vật chứng của vụ án:

- Đối với số tiền 3.670.000đ (Ba triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng) là tiền thu lợi bất chính nên tịch thu, sung quỹ Nhà nước;

- Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A04S, màu đen, số Imeil: 350246951140594; Imei2: 353931241140598, gắn sim số 0932072341, 0987970371; tình trạng máy cũ, màn hình bị vỡ và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO Y51; Số IMEI 1: 864874057958830, IMEI 2: 864874057958822, gắn sim điện thoại 0932530955 là phương tiện bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với 12 (mười hai) tờ phôi đề là các tờ vé số cũ là vật chứng của vụ án nên cần lưu theo hồ sơ;

(Các vật chứng hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng 09/01/2025).

[7] Các nội dung liên quan khác:

Đối với ông Vũ Huy P và ông Nguyễn Quốc T2 có hành vi đánh bạc, do số tiền đánh bạc chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự; ông P và ông T1 chưa có tiền án, tiền sự liên quan đến hành vi đánh bạc, tổ chức đánh bạc và gá bạc nên cơ quan điều tra không xử lý hình sự là có căn cứ.

Đối với đối tượng tên “L1” và các con bạc mua số lô, số đề từ Đ. Do chưa rõ thông tin cụ thể của những người này nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành Phố H tiếp tục điều tra để xử lý sau.

Đối với Lê Thị Ngọc T1, ngày 28/7/2025, có đến đại lý vé số “H” nơi Đ làm việc để chơi, Đ có nhờ T1 ghi số lô, số đề cho các con bạc, khi Đ đi ra ngoài thì có khách đến mua và T1 đã bán với giá 50.000 đồng. Tuy nhiên, Đ nói với bà T1 đây là hình thức ghi số tự chọn được Nhà nước cho phép nên bà T1 không biết việc ghi số lô, số đề là vi phạm pháp luật. Do đó chưa đủ cơ sở để xử lý Lê Thị Ngọc T1 về

hành vi “Đánh bạc” quy định tại Điều 321 Bộ luật hình sự.

Đối với hành vi ghi số lô, số đề của Lê Thị Ngọc Đ cho các con bạc từ ngày 25/7/2025 đến ngày 27/7/2025. Sau khi ghi số lô, số đề Đoàn giao lại phôi đề và tiền cho đối tượng tên “L1” và không giữ lại nên không xác định được số ghi và số tiền. Do đó chưa đủ cơ sở để xử lý Đ về hành vi đánh bạc vào các ngày trên.

[8] Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 50; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Thị Ngọc Đ phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Ngọc Đ 10 (mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 20 (hai mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án (ngày 26/01/2026). Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã N giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Lê Thị Ngọc Đ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Luật Thi hành án Hình sự. Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố tình vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự: Xử phạt các bị cáo Lê Thị Ngọc Đ 10.000.000đ (mười triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước. Thời hạn chấp hành hình phạt bổ sung kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Xử lý vật chứng của vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 3.670.000đ (Ba triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng) theo giấy nộp tiền vào tài khoản Thi hành án dân sự Thành phố H ngày 09/01/2026;

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A04S, màu đen, số Imeil: 350246951140594; Imei2: 353931241140598, gắn sim điện thoại, số sê – ri trên sim: 8984048000300926476 và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO Y51, màu xanh (máy đã qua sử dụng, bị bể màn hình, không kiểm tra được số imei);

- Lưu trữ theo hồ sơ vụ án đối với 12 (mười hai) tờ phôi đề là các tờ vé số cũ; (Các vật chứng hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 09 tháng 01 năm 2025).

4. Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị

quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Lê Thị Ngọc Đ phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26/01/2026). Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn này được tính kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp Tp. Hồ Chí Minh;
- PV06, PC10 Công an Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND KV14 - Tp. Hồ Chí Minh;
- THADS Tp. Hồ Chí Minh;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Văn Tiến